TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/01/2026
V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Ông **Hà Ứng Cương**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Chí Thăng**- Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2025/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST- HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Châu Thị Th**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Danh H,** sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

(Bà Th có mặt tại phiên tòa, ông H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Châu Thị Th trình bày:

Năm 2005, bà và ông Danh H thành lập gia đình và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Về con chung, trong thời gian chung bà và ông H có 03 con chung tên Danh Thị Huyền Tr, sinh ngày 14/01/2006; Danh Thị Huyền Tr, sinh ngày 22/5/2012 và Danh Thị Huyền Ch, sinh ngày 24/3/2014. Về tài sản chung và nợ chung, vợ chồng bà không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên rượu chè với bạn bè, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con nên vợ chồng đã ly thân khoảng 03 năm nay. Từ đó vợ chồng

không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Danh H;

Về con chung: Con chung tên Danh Thị Huyền Tr, sinh ngày 14/01/2006 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Danh Thị Huyền Tr, sinh ngày 22/5/2012 và Danh Thị Huyền Ch, sinh ngày 24/3/2014, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

***- Đối với bị đơn ông Danh H*:** Đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng ông Danh H vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án*:**

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Châu Thị Thắm khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Danh H nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*", bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã C, tỉnh An Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Danh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, tại phiên tòa bà Châu Thị Th đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2005, bà Châu Thị Thắm và ông Danh H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh

Kiên Giang, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Châu Thị Th và ông Danh H là hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà Châu Thị Th, trong thời gian đầu chung sống, bà và ông Danh H có thời gian hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp và đã lý thân khoảng 3 năm nay. Tại phiên tòa, bà Th xác định hiện nay không còn tình cảm với ông H và kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Châu Thị Th đối với ông Danh H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Châu Thị Th và ông Danh H có 03 con chung tên Danh Thị Huyền Tr, sinh ngày 14/01/2006; Danh Thị Huyền Tr, sinh ngày 22/5/2012 và Danh Thị Huyền Ch, sinh ngày 24/3/2014. Đối với con chung tên Danh Thị Huyền Tr, sinh ngày 14/01/2006 đã đủ tuổi trưởng thành nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Châu Thị Th yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Danh Thị Huyền Tr và Danh Thị Huyền Ch, đồng thời các cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung tên Danh Thị Huyền Tr, sinh ngày 22/5/2012 và Danh Thị Huyền Ch, sinh ngày 24/3/2014 cho bà Châu Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Châu Thị Th không yêu cầu ông Danh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Châu Thị Th trình bày trong quá trình chung sống, bà và ông Danh H không có tài sản chung, cũng như không phát sinh nợ chung, do đó bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nội dung này đã được thông báo cho ông Danh H trong Thông báo thụ lý vụ án, tuy nhiên cho đến nay bị đơn không có ý kiến phản đối hay đưa ra yêu cầu nào khác, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Châu Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Th, cho bà Châu Thị Th được ly hôn với ông Danh H.

2. Về con chung: Đối với Danh Thị Huyền Tr, sinh ngày 14/01/2006 đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét; Giao 02 con chung tên Danh Thị Huyền Tr, sinh ngày 22/5/2012 và Danh Thị Huyền Ch, sinh ngày 24/3/2014 cho bà Châu Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do bà Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Danh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Châu Thị Th phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006025 ngày 24/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Huỳnh Ánh Tuyết

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND Khu vực 3;*
- *Phòng THADS Khu vực 3;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*